TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TT** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2019/HNGĐ - ST.
Ngày: 10 - 6 - 2019.
V/v Tranh chấp ly hôn, nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TT, TỈNH SÓC TĂNG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Biện Công Nặng.
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Trần Văn Dá.
2. Ông Nguyễn Thành Dân.
Thư ký phiên tòa: Bà Lâm Huệ Chi - Thư ký Tòa án nhân dân huyện TT.
Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TT tham gia phiên tòa: Ông Dương Trung Kiên - Kiểm sát viên.

Trong ngày 10 tháng 6 năm 2019 tại Tụ sở Tòa án nhân dân huyện TT, tỉnh Sóc Trăng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình sơ thẩm thụ lý số: 77/2019/TLST- HNGĐ ngày 22 tháng 4 năm 2019 về việc "Tranh chấp ly hôn, nuôi con". Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 40/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 5 năm 2019, giữa các đương sự:

1/ Nguyên đơn: Anh Dương Thành T, sinh năm 1986. Có mặt.
Địa chỉ: Ấp Kiết L A, xã LT, huyện TT, tỉnh Sóc Trăng.
2/ Bị đơn: Chị Lâm Huỳnh Sà P, sinh năm 1987. Có mặt.
Địa chỉ: Ấp Kiết L A, xã LT, huyện TT, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 08/4/2019 và tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn anh Dương Thành T Trình bày như sau:

Anh T và chị P quen biết nhau, tự nguyện kết hôn và được Uỷ ban nhân dân xã LT, huyện TT, tỉnh Sóc Trăng cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn vào ngày 05/01/2011. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc và có 01 đứa con chung tên Dương Lâm Huyền T, sinh ngày 13/02/2012 hiện đang sống chung với chị P. Khoảng 01 năm nay vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên cãi vả nhau do chị P ghen tuông vô cớ, đến nơi công tác của anh để khiếu nại làm anh bị ảnh hưởng đến công việc và không an tâm công tác, anh có khuyên ngăn, giải thích đặc thù của công việc anh phải trực ở đơn vị nhưng

chị P không nghe, cũng chính vì lý do đó nên vợ chồng đã ly thân nhau, trong thời gian ly thân chị P không thay đổi còn làm đơn yêu cầu gửi đến cấp trên của anh giải quyết dẫn đến mâu thuẫn giữa vợ chồng ngày càng trầm trọng, anh xét thấy cuộc sống hôn nhân không thể kéo dài để xây dựng hạnh phúc được nữa.

Tại phiên tòa anh T yêu cầu được ly hôn với chị P và đồng ý giao con chung cho chị P được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, anh không cấp dưỡng nuôi con.Về tài sản chung tự thỏa thuận, nợ chung không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo biên bản ghi lời khai ngày 13/5/2019 và tại phiên tòa sơ thẩm bị đơn chị Lâm Huỳnh Sà P trình bày.

Chị P thống nhất với lời trình bày của anh T về quan hệ hôn nhân và con chung. Sau khi cưới vợ chồng chị chung sống hạnh phúc, đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn do anh T có quan hệ với người phụ nữ khác, chị có khuyên ngăn nhưng anh T vẫn không thay đổi, khoảng 01 năm nay anh T đã ra ngoài sống riêng, thỉnh thoảng có về thăm con.

Tại phiên tòa chị P yêu cầu được hàn gắn do còn thương anh T và mong muốn anh T thay đổi để cùng nhau xây dựng hạnh phúc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Trường hợp anh T kiên quyết ly hôn thì chị yêu cầu được quyền nuôi con, yêu cầu anh T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.000.000 đồng cho đến khi con đủ 18 tuổi. Chị P không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết việc anh T vi phạm chế độ hôn nhân một vợ một chồng theo Luật hôn nhân gia đình.Về tài sản chung tự thỏa thuận, nợ chung không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa P biểu việc kiểm sát và quan điểm giải quyết như sau:

Toà án thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, xác định đúng quan hệ tranh chấp, thu thập đầy đủ chứng cứ; Về việc tuân thủ pháp luật: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và những người tham gia tố tụng đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự;

Về quan điểm giải quyết vụ án: Qua xem xét hồ sơ vụ án, anh T và chị P chung sống với nhau có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã LT, huyện TT, tỉnh Sóc Trăng là hôn nhân hợp pháp, quá trình chung sống anh T cho rằng có mâu thuẫn và đã ly thân hơn 01 năm, thời gian ly thân vợ chồng không hàn gắn được do mâu thuẫn giữa vợ chồng ngày càng trầm trọng, cuộc sống hôn nhân không thể kéo dài để xây dựng hạnh phúc được nữa nên anh T yêu cầu được ly hôn là có cơ sở để chấp nhận theo khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; Về con chung anh T đồng ý giao cho chị P nuôi dưỡng phù hợp với yêu cầu của chị P và nguyện vọng của con được sống với mẹ, mặc khác thời gian ly thân cháu Dương Lâm Huyền T sống chung với chị P được chăm sóc tốt, đảm bảo về vật chất lẫn tinh thần nên cần thiết giao con cho chị P tiếp tục nuôi dưỡng; Tại phiên tòa anh T và chị P thống nhất hình thức cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.500.000 đồng cho đến khi con đủ 18 tuổi nên đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận. Về tài sản chung và nợ chung các đương sự không yêu cầu nên không xem xét; Về án phí buộc nguyên đơn phải chịu theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn anh Dương Thành T khởi kiện yêu cầu được ly hôn với bị đơn chị Lâm Huỳnh Sà P. Tòa án đã thụ lý vụ án và xác định quan hệ pháp luật là "Tranh chấp ly hôn và nuôi con" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự; Anh T và chị P có nơi cư Tú tại ấp Kiết Lập A, xã Lâm Tân, huyện TT, tỉnh Sóc Trăng thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện TT theo quy định tại điểm a, khoản 1, Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự;

[2] Về nội dung vụ án: Nguyên đơn anh Dương Thành T với bị đơn chị Lâm Huỳnh Sà P tự nguyện kết hôn với nhau, được Uỷ ban nhân dân xã LT, huyện TT, tỉnh Sóc Trăng cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn vào ngày 05/01/2011 là hôn nhân hợp pháp. Sau khi cưới vợ chồng chung sống hạnh phúc, khoảng 01 năm nay vợ chồng phát sinh mâu thuẩn, thường xuyên cãi vả nhau do chị P ghen tuông vô cớ, anh T có khuyên ngăn, giải thích nhưng chị P không nghe, cũng chính vì lý do đó nên vợ chồng đã ly thân nhau, trong thời gian ly thân chị P không thay đổi dẫn đến mâu thuẩn giữa vợ chồng ngày càng trầm trọng nên yêu cầu được ly hôn; Bị đơn chị Lâm Huỳnh Sà P thừa nhận mâu thuẩn vợ chồng xuất phát từ nguyên nhân anh T trình bày, việc anh T không chung thủy là đúng, do còn thương chồng và với mong muốn cùng nhau tiếp tục xây dựng hạnh phúc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung nên chị yêu cầu được hàn gắn, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết việc anh T vi phạm chế độ hôn nhân một vợ một chồng theo Luật hôn nhân gia đình. Xét thấy, thời gian ly thân giữa anh T và chị P được gia đình động viên hàn gắn, Tòa án có tổ chức hòa giải nhưng anh T vẫn kiên quyết ly hôn do mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài là phù hợp theo Điều 56 Luật hôn nhân gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận. Việc chị P yêu cầu hàn gắn không có cơ sở để chấp nhận.

[3] Về con chung: Anh T và chị P có 01 con chung tên Dương Lâm Huyền T, sinh ngày 13/02/2012. Xét thấy, khi vợ chồng anh T và chị P ly thân nhau cháu T sống chung với chị P ổn định về vật chất, tinh thần và điều kiện đi học, cháu T có nguyện vọng được sống với mẹ theo biên bản xem xét nguyện vọng được lập ngày 14/5/2019 và tại phiên tòa anh T đồng ý giao con cho chị P nuôi dưỡng nên cần giao cháu Dương Lâm Huyền T cho chị P được quyền trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi các con đủ 18 tuổi.

Về việc cấp dưỡng nuôi con: Tại phiên tòa anh T tự nguyện cấp dưỡng nuôi con với hình thức mỗi tháng cấp dưỡng 1.500.000 đồng cho đến khi con đủ 18 tuổi, chị P đồng ý nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Anh T và chị P thống nhất tự thỏa thuận về tài sản chung, nợ chung không có, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặc ra xem xét.

[5] Từ những phân tích nêu trên cho thấy yêu cầu của nguyên đơn và quan điểm đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ pháp luật, Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Về tiền án phí sơ thẩm: Nguyên đơn anh Dương Thành T phải chịu án phí theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 26 và điểm a, b khoản 6 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án. Nguyên đơn phải chịu 600.000 đồng (Sáu trăm nghìn đồng).

Vì các lẽ Tên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng các Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình;

Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội qui định quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn anh Dương Thành T.

Về quan hệ hôn nhân: Anh Dương Thành T được ly hôn với chị Lâm Huỳnh Sà P.

Về con chung: Giao con chung tên Dương Lâm Huyền T, sinh ngày 13/02/2012 cho chị Lâm Huỳnh Sà P được quyền trực tiếp nuôi dưỡng.

Ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận cấp dưỡng nuôi con giữa anh Dương Thành T với chị Lâm Huỳnh Sà P, anh T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.500.000 đồng (Một triệu năm trăm nghìn đồng), hình thức cấp dưỡng hàng tháng cho đến khi con đủ tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi).

Địa điểm giao nhận tiền cấp dưỡng nuôi con: Tại chi cục Thi hành án dân sự huyện TT hoặc do các bên tự giao nhận.

Anh Dương Thành T được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được quyền ngăn cản.

Về tài sản chung và nợ chung: Anh Dương Thành T và chị Lâm Huỳnh Sà P thống nhất tự thỏa thuận về tài sản chung, nợ chung không có, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặc ra xem xét.

2. Về án phí sơ thẩm: 600.000 đồng (Sáu trăm nghìn đồng, Trong đó án phí ly hôn là 300.000 đồng, án phí cấp dưỡng nuôi con là 300.000 đồng).

Nguyên đơn anh Dương Thành T phải chịu nhưng được khấu Từ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo lai thu số 0008144 ngày 19/4/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện TT, tỉnh Sóc trăng. Anh Dương Thành T còn phải nộp thêm số tiền 3.000.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) và nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện TT.

Bị đơn chị Lâm Huỳnh Sà P không phải nộp án phí.

Án dân sự sơ thẩm được xét xử công khai báo cho các đương sự biết có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND huyện TT;
- Chi cục THADS huyện TT;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;

Biện công Nặng